

Thực nghiệm sư phạm phát triển năng lực tự học cho sinh viên sư phạm qua phương pháp dạy học tích cực

Nguyễn Đức Giang

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
Số 02 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Email: giangnguyenduc2103@gmail.com

TÓM TẮT: *Thúc đẩy phát triển năng lực tự học đòi hỏi một vai trò mới với giảng viên dựa trên việc dạy lấy người học làm trung tâm, đảm bảo sinh viên tham gia tích cực vào quá trình học tập. Phương pháp dạy học tích cực góp phần phát triển năng lực tự học cho sinh viên, khơi dậy nội lực vốn có trong mỗi cá nhân, khuyến khích trí thông minh, óc sáng tạo trong giải quyết những vấn đề thực tế. Song hành việc giảng dạy bằng phương pháp dạy học tích cực, giảng viên cần thúc đẩy phát triển các thuộc tính trí tuệ bên trong của sinh viên gồm: Lập luận khoa học, tư duy sáng tạo, tự đánh giá. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy, nếu giảng viên vận dụng phương pháp dạy học tích cực và các bài tập phát triển năng lực nhận thức, tự đánh giá sẽ giúp sinh viên độc lập hơn trong việc áp dụng lí luận vào thực tiễn, trong nhận thức, phân tích mạch lạc hơn trong các tình huống học tập.*

TỪ KHÓA: Năng lực tự học; phát triển năng lực tự học; sinh viên sư phạm; phương pháp dạy học tích cực.

→ Nhận bài 11/3/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 28/3/2020 → Duyệt đăng 24/4/2020.

1. Đặt vấn đề

Phát triển năng lực tự học (NLTH) ngày càng có ý nghĩa trong giáo dục (GD), đó là một trong những yếu tố thiết yếu của việc cá nhân hóa trong GD. Rất nhiều học giả và chính phủ các nước tin rằng, sự phát triển NLTH sẽ thúc đẩy học tập ở các bậc lên cao và suốt đời [1, tr. 38]. Một trong những cách thức để phát triển NLTH là thông qua phương pháp dạy học tích cực (PPDHTC). Vận dụng PPDHTC giúp người học tự đánh giá, tự chủ, tạo động lực, chịu trách nhiệm, thiết lập mục tiêu, quản lí thời gian, tự điều chỉnh, siêu nhận thức, tự nhận thức và tự định hướng hoạt động học của bản thân. Vận dụng PPDHTC phát triển khả năng áp dụng trí thông minh, óc sáng tạo của sinh viên (SV) trong giải quyết những vấn đề thực tế. Các nghiên cứu gần đây đều chỉ ra rằng, SV sẽ không thể phát triển NLTH nếu họ không được học cách học [2, tr.77-99]. Những cách học hiệu quả sẽ được thúc đẩy bởi các nhà GD. Việc thúc đẩy học tập độc lập đòi hỏi một vai trò mới đối với giảng viên (GV) dựa trên việc dạy lấy người học làm trung tâm, đảm bảo SV tham gia tích cực vào quá trình học tập. Thúc đẩy phát triển NLTH cho SV sư phạm cần tập trung thúc đẩy vai trò của các GV với việc phát triển NLTH và thúc đẩy các thuộc tính trí tuệ bên trong của SV gồm: Lập luận khoa học, tư duy sáng tạo, tự đánh giá.

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu thực nghiệm phát triển NLTH cho SV sư phạm thông qua nhóm PPDHTC gồm: phương pháp dạy học (PPDH) dựa vào dự án (Project-based Learning), dạy học dựa vào giải quyết vấn đề (Problem-based Learning), dạy học E-learning và phương pháp lớp học đảo ngược (Flipped Classrooms).

Thực nghiệm được tiến hành trên SV sư phạm Tiếng Anh năm thứ 3 Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giới thiệu thực nghiệm

2.1.1. Mục đích thực nghiệm

Xác nhận tính khả thi và hiệu quả của việc vận dụng PPDHTC nhằm phát triển NLTH cho SV. Đồng thời, qua thực nghiệm cũng kiểm chứng lại tính khả thi khi sử dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá NLTH của SV.

2.1.2. Nội dung thực nghiệm

Thực nghiệm tiến hành trên nội dung học tập môn Quản lí hành chính nhà nước và Quản lí ngành GD và Đào tạo. Nội dung môn học được thiết kế gồm: video bài giảng, hệ thống bài tập trắc nghiệm và tự luận đã được lưu trữ tại đường links: <http://elearning.ulis.vnu.edu.vn/>. Nhóm đối chứng được học tập và thực hiện giảng dạy Elearning như bình thường. Nhóm thực nghiệm GV sẽ sử dụng thêm các PPDHTC sẽ được vận dụng nhằm phát triển năng lực cho SV gồm: Phát triển NLTH qua PPDH dựa trên dự án; Phát triển NLTH qua dạy học giải quyết vấn đề; Phát triển NLTH thông qua E-learning; Phát triển NLTH thông qua lớp học đảo ngược. Trong quá trình vận dụng các PPDHTC sẽ sử dụng các bài tập phát triển KN hỗ trợ cho SV.

2.1.3. Giả thuyết khoa học của thực nghiệm

Việc vận dụng PPDHTC theo các bước: phân tích rõ NLTH của SV, lên kế hoạch và chuẩn bị học liệu rèn

luyện các KN tự học cùng với việc GV thúc đẩy phát triển khả năng lập luận khoa học, tư duy sáng tạo và tự đánh giá sẽ giúp SV phát triển NLTH một cách bền vững, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.

2.1.4. Chọn mẫu thực nghiệm

Nhóm thực nghiệm gồm 30 SV. Nhóm đối chứng gồm 30 SV. Nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng được thành lập dựa trên sự tương đồng về trình độ, nội dung môn học, điều kiện vật chất, thiết bị dạy học, mức độ đầu tư bài giảng của GV nhưng khác nhau ở phương pháp giảng dạy và hệ thống bài tập bổ trợ.

2.1.5. Thời gian tiến hành thực nghiệm

Thời gian tiến hành thực nghiệm từ tháng 01 năm 2019 tới tháng 5 năm 2019. Tổng số buổi GV lên lớp trực tiếp là 4 buổi, thời gian mỗi buổi 120 phút. GV hỗ trợ online cho SV trong suốt quá trình học.

2.2. Quá trình và kết quả thực nghiệm

2.2.1. Kiểm định độ tin cậy của phiếu đánh giá năng lực tự học dùng trong thực nghiệm

Nghiên cứu sử dụng công cụ đánh giá NLTH của SV gồm 23 item được chia thành 3 nhóm lớn: nhóm năng lực nhận thức gồm 9 item, nhóm năng lực siêu nhận thức gồm 7 item, nhóm năng lực tình cảm gồm 7 item [3, tr. 31-33]. Thang đánh giá sử dụng là thang Likert 5 mức gồm: đang hình thành, tiệm cận, đạt yêu cầu, thành thạo, vượt trội. Chúng tôi tiến hành kiểm định độ tin cậy của phiếu đánh giá NLTH thông qua mô hình Cronbach's Coefficient Alpha. Mô hình này đánh giá độ tin cậy của phép đo dựa trên sự tính toán phương sai của từng item trong toàn phép đo và tính tương quan điểm của từng item với với điểm tổng của các item còn lại của phép đo. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của bảng hỏi đánh giá NLTH đạt 0.924 với 23 Item. Như vậy, hầu hết các Item đều phù hợp và có tương quan đáng kể với tổng điểm của các item còn lại.

2.2.2. Đánh giá đầu vào năng lực tự học của sinh viên

Kết quả đánh giá đầu vào của hai nhóm khách thể thực nghiệm và đối chứng cho kết quả tương đương nhau về NLTH. Cụ thể như sau: điểm trung bình của nhóm thực nghiệm đạt 2.45 điểm (mức tiệm cận) với độ lệch chuẩn 0.66 điểm, điểm trung bình của nhóm đối chứng 2.51 điểm (mức tiệm cận) với độ lệch chuẩn 0.72 điểm. Kết hợp với quan sát trên cả nhóm thực nghiệm và đối chứng cũng cho thấy sự tương đồng trong cách SV phân tích và luận giải khi xử lý các bài tập, cách SV xử lý vấn đề, đặt giả thuyết. SV còn tương đối thụ động trong cá nhân hóa cách học, thụ động khi nghe giảng và nghiên cứu tài liệu. Rất nhiều SV ghi chép kiến thức từ GV mà không hề suy ngẫm về nội dung ghi, không có đánh giá và điều chỉnh

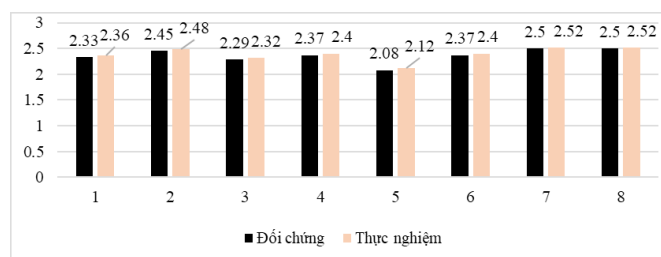
nhận thức trong một số vấn đề học tập. Nhóm năng lực tình cảm cho thấy, SV đã biết cách tạo động lực cho bản thân, có những cách giải tỏa căng thẳng như nghe nhạc, làm việc cùng bạn bè hoặc chơi games. Tuy nhiên, phần lớn SV thiếu sự tò mò, không có ý định tìm hiểu thêm các nội dung ngoài bài giảng của GV, khi gặp bài tập khó sẵn sàng bỏ qua, thậm chí bỏ qua cả các câu khó trong bài thi. Trong các kĩ năng (KN) thành phần tạo nên NLTH, chúng tôi đặc biệt quan tâm tới 8 KN thành phần để tập trung phát triển. Các KN này được đánh giá căn trọng hơn, bao gồm:

- *Nhóm KN nhận thức*: (1) Phân tích và luận giải (Analyse and Interpret); (2) Xử lý vấn đề (Problem Processing); (3) Kỹ thuật ghi nhớ (Memory Techniques).

- *Nhóm KN siêu nhận thức*: (4) Suy ngẫm về những điều đã học (Reflection on Subject Matter); (5) Suy ngẫm về mức độ thành thực kiến thức, KN (Reflection on Skill Proficiency); (6) Điều chỉnh nhận thức (Revising Views).

- *Nhóm KN tình cảm*: (7) Tự tạo động lực (Self-motivation); (8) Thất bại tích cực (Failing Well).

Biểu đồ 1 thể hiện sự tương đồng giữa những KN được chọn để tập trung phát triển ở nhóm thực nghiệm và đối chứng. Việc lựa chọn tập trung phát triển 8 KN này xuất phát từ kết quả nghiên cứu lý luận là muốn phát triển NLTH cho SV cần thúc đẩy các yếu tố bên trong người học (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Đánh giá đầu vào nhóm KN tập trung cải thiện nhằm phát triển NLTH cho SV

Chú thích: 1: Phân tích và luận giải (Analyse and Interpret).

2: Xử lý vấn đề (Problem Processing). 3: Kỹ thuật ghi nhớ

(Memory Techniques). 4: Suy ngẫm về những điều đã học

(Reflection on Subject Matter). 5: Suy ngẫm về mức độ thành

thực kiến thức, KN (Reflection on Skill Proficiency). 6: Điều

chỉnh nhận thức (Revising Views). 7: Tự tạo động lực (Self-

motivation). 8: Thất bại tích cực (Failing Well).

2.2.3. Vận dụng phương pháp dạy học tích cực để phát triển năng lực tự học cho sinh viên

a. Vận dụng PPDH dự án

Quy trình vận dụng gồm 5 bước như đã trình bày trong chương một (quy trình IPARD) [4, tr.7] gồm: Investigation (Điều tra); Plan (Lập kế hoạch); Action (Hành động); Reflection (Suy ngẫm); Demonstration (Báo cáo). GV đưa ra yêu cầu cho dự án là Dựng một

video phỏng sự về công tác quản lý GD tại một trường phổ thông. Đồng thời, GV đưa ra các tiêu chí đánh giá một phỏng sự.

b. Vận dụng PPDH giải quyết vấn đề

Dựa vào kết quả nghiên cứu của hai tác giả Schwartz và Bransford (1998) [5, tr.475-522] chỉ ra, SV giải quyết vấn đề trước bài giảng thực hiện nhiệm vụ học tập tốt hơn SV giải quyết vấn đề trong quá trình giảng dạy và SV đọc chương sách giáo khoa trước khi tham dự một bài giảng. Đồng thời, dựa vào nền tảng E-learning, GV đã đề chế độ ẩn tất cả các bài giảng và yêu cầu SV thực hiện các nhiệm vụ học tập chính là các tình huống có vấn đề trước. SV phải dựa vào kiến thức có sẵn cũng như tìm kiếm các kiến thức trên Internet để giải quyết vấn đề. SV bắt buộc phải giải quyết tình huống này trước dưới dạng “comment” trên slide trong phần mềm E-learning. GV kiểm soát việc làm bài tập và chất lượng bài tập bằng cách chấm ngẫu nhiên 10% cho mỗi bài giảng. Sau đó, các tính năng bài giảng video, bài tập trắc nghiệm được để lại dưới dạng “show” và SV vào học tập như bình thường. Quá trình này liên tục được diễn ra trong toàn bộ 10 chuyên đề của môn học. Quá trình vận dụng PPDH giải quyết vấn đề tuân theo quy trình đủ 3 bước gồm:

Bước 1: Nhận biết vấn đề: GV đưa ra tình huống có vấn đề liên quan tới nội dung bài học. Các tình huống thường là câu hỏi, SV phải đăng nhập để giải quyết tình huống trước khi học bài giảng video.

Bước 2 và Bước 3: Tìm các phương án giải quyết và quyết định phương án giải quyết (giải quyết vấn đề)

c. Vận dụng phương pháp lớp học đảo ngược

Lớp học Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý GD và đào tạo là lớp học đảo ngược. GV thực hiện những bài giảng, những video về lý thuyết và bài tập cơ bản, chia sẻ qua Internet cho SV xem trước tại nhà, trong khi thời gian ở lớp lại dành cho việc giải đáp thắc mắc của SV. Dựa vào nền tảng E-learning hướng dẫn cá nhân hóa, đáp ứng nhu cầu và khả năng của từng người học. Các nhiệm vụ học có liên quan, có ý nghĩa và cung cấp sự linh hoạt trong việc lên kế hoạch học tập, bài tập và nhịp độ học tập. Quá trình vận dụng PPDH đảo ngược vẫn tuân theo quy trình đủ 5 bước gồm [6, tr.36]:

Bước 1: Lựa chọn chủ đề dạy học (việc này diễn ra từ trước với việc lên 12 chuyên đề).

Bước 2: GV thiết kế các bài giảng, video, chia sẻ tài liệu lên mạng hoặc gửi tài liệu phát tay cho SV trước khi lên lớp. GV mở các bài giảng theo tuyến tính thời gian:

Từ tháng 01 năm 2019 đến hết tháng 02 năm 2019, mở các chuyên đề 1, 2, 3, 4.

Tháng 3 năm 2019, mở các chuyên đề 5, 6, 7, 8.

Tháng 4 năm 2019, mở các chuyên đề 9, 10, 11, 12.

Bước 3: SV xem bài giảng, tài liệu, video ở nhà.

Bước 4: Trên lớp, SV thực hành, thảo luận, trao đổi với nhau và với GV.

GV và SV trao đổi, giải đáp các thắc mắc thông qua 4 buổi offline.

Bước 5: Cùng cố thông tin sau giờ học trên lớp.

Như vậy, bước 1, 2, 3 thực hiện online thông qua E-learning. Bước 4 và 5 thực hiện qua 4 buổi dạy học offline được bố trí 1 buổi/tháng.

2.2.4. Giảng viên thúc đẩy phát triển năng lực tự học của sinh viên

a. Các việc GV đã làm

- Cung cấp trước khung chương trình, mục tiêu cho từng chuyên đề và công bố online trên phần mềm.

- Cung cấp cho SV cơ hội tự giám sát việc học thông qua tài khoản cá nhân từng SV. GV thường xuyên cung cấp thông tin đánh giá về bài làm của SV thông qua việc “comment” ngay dưới slide bài của từng SV.

- Phát triển môi trường học tập, thông qua việc tính điểm cho các “comment” của SV. Một SV trong từng chuyên đề cần đảm bảo tối thiểu 3 comment cho các SV khác.

- Thúc đẩy thuộc tính trí tuệ của SV.

b. Các bài tập thúc đẩy phát triển NLTH

GV sử dụng các bài tập dựa theo bài tập rèn KN theo Learning Skills for Success để thúc đẩy NLTH của SV [7, tr.25, 291, 544]:

- Bài tập nhằm thúc đẩy phát triển khả năng lập luận khoa học (Scientific Reasoning). Yêu cầu SV tìm một tin tức nổi bật về công tác quản lý GD gần đây và xem xét cách thể hiện tin tức đó trên 4 phương tiện truyền thông khác nhau. Sau đó, sử dụng gợi ý dưới đây để phân tích nội dung tin tức: Ai sở hữu nguồn thông tin? Đối tượng khán giả? Nội dung tin tức là gì? Nhan đề bài viết? Những bằng chứng nào được đưa ra? Em có nhận thấy bất cứ định kiến hay giả định nào? Theo em, lập luận được trình bày có đáng tin?

- Bài tập phát triển khả năng ghi nhớ dựa theo bài tập KN ghi nhớ (The Memory Castle) [8, tr.187,188]. Ví dụ: GV hướng dẫn cách xây dựng trí nhớ dựa theo phương pháp ghi nhớ Loci.

- Bài tập nhằm thúc đẩy phát triển khả năng tư duy sáng tạo (Creative Thinking). Bài tập bắt đầu với việc nhận thức được những điều SV không biết, sau đó điều chỉnh với những điều SV đã biết và hình thành nhận thức mới.

- Các bài tập nhằm thúc đẩy phát triển khả năng tự đánh giá (Self-Assessment). Ví dụ, bài tập phát triển khả năng suy ngẫm về những điều đã học: Suy ngẫm là phương pháp hiệu quả nhất trong việc hình thành nhận thức mới trên cơ sở phân tích những hiểu biết hiện tại. Nhận thức mới chỉ có thể hình thành nếu SV biết rõ những điều mình hiểu, nhưng quan trọng hơn, SV cần biết những điều mình chưa hiểu. Đây mới chính là điểm mấu chốt. Do đó, cần rèn cho SV các KN đặt câu hỏi để tìm ra được

câu trả lời giúp SV hoàn thiện những lỗ hổng kiến thức mà bản thân tự xác định được dựa trên nhận thức của bản thân.

- Bài tập thúc đẩy phát triển nhóm KN tình cảm. Bài tập về tạo động lực học tập: Ví dụ: Em có muốn học giỏi không? Vì sao? Lí do quan trọng nhất là gì?

Bài tập thành công và thất bại: Nghĩ về lần mà em đã thành công, tức là đạt được mục tiêu của mình. Thành công nào cũng được - một lần được điểm cao, chiến thắng trong một trận thi đấu thể thao, nhớ kịch bản vở diễn em tham gia, đi ngủ đúng giờ... Nghĩ về một lần em thất bại, tức là không đạt được mục tiêu của mình. Bây giờ, hãy viết ra những lí do em cho là nguyên nhân dẫn đến thành công và thất bại đó của em.

2.2.5. Kết quả thực nghiệm

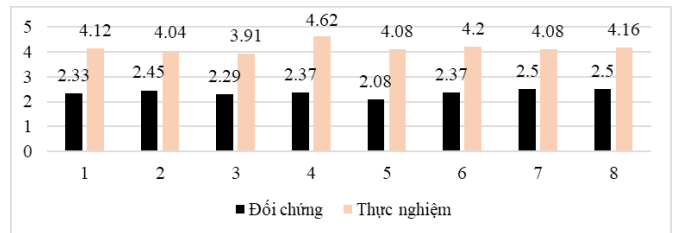
a. Đánh giá NLTH của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Sau gần 4 tháng tiến hành thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đánh giá đầu ra của nhóm SV thực nghiệm. Kết quả thống kê cho thấy, NLTH của SV tăng lên đáng kể, có thể quan sát Biểu đồ 2 thể hiện cho đánh giá đầu ra NLTH của SV thực nghiệm. Điểm trung bình chung của toàn bộ các KN trong NLTH tăng từ 2,48 điểm (đánh giá đầu vào) lên 3,58 điểm (đánh giá đầu ra). Mức điểm chênh lệch giữa NLTH đầu ra và đầu vào đạt 1 điểm, tương đương với một mức trong thang đánh giá 5 mức do đề tài xây dựng. Nghĩa là, sau quá trình thực nghiệm, NLTH của SV đã tăng từ mức tiệm cận lên mức đạt yêu cầu.

Quan sát kết quả đánh giá NLTH đầu ra sau quá trình thực nghiệm cho thấy các yếu tố của NLTH đều tăng. SV độc lập hơn trong học tập, các KN phân tích và luận giải, xử lí vấn đề, suy ngẫm đều được cải thiện nâng cao.

Nhóm 8 KN tập trung phát triển có sự thay đổi rất mạnh mẽ. Đánh giá đầu vào cho thấy trung bình chung điểm của 8 nhóm KN đạt 2,39 điểm với độ lệch chuẩn Std.D là 0,79 điểm. Đánh giá đầu ra cho thấy trung bình chung điểm của 8 KN tăng lên đạt 4,15 điểm với độ lệch chuẩn Std.D là 0,80 điểm. Sự khác biệt trung bình giữa kết quả đánh giá đầu vào và đầu ra đạt gần 1,71 điểm, nghĩa là tăng gần hai mức độ từ tiệm cận tới bước đầu đạt mức thành thạo (xem Biểu đồ 2).

Phân tích sâu vào sự phát triển của NLTH của SV, chúng tôi nhận thấy, KN phát triển mạnh mẽ nhất là KN Suy ngẫm về những điều đã học (Reflection on Subject Matter) tăng 2,3 điểm lên đạt 4,63 điểm đạt mức thành thạo, với điểm số này SV hầu như không cần giúp đỡ để sử dụng KN này nữa. KN phát triển mạnh mẽ liên kế cũng là KN thuộc nhóm siêu nhận thức, KN suy ngẫm về mức độ thành thực kiến thức, KN (Reflection on Skill Proficiency) tăng 1.96 điểm lên đạt 4,08 điểm mức thành thạo, với điểm số này SV đạt trình độ có thể sử dụng KN



Biểu đồ 2: Nhóm KN tập trung cải thiện nhằm phát triển NLTH cho SV

(Chú thích: Xem chú thích biểu đồ 1)

đã học bất kì khi nào cần. Do tác động có chủ đích trong thực nghiệm cần phải tập trung phát triển các KN siêu nhận thức sẽ giúp SV hình thành kiến thức mới nếu SV biết rõ những điều mình hiểu nhưng quan trọng hơn, SV cần biết những điều chưa hiểu. Chính KN suy ngẫm này giúp SV suy ngẫm về các điều đã học, đã làm và cải thiện sao cho có hiệu quả cao hơn.

Sự phát triển NLTH với nhóm KN nhận thức gồm: Phân tích và luận giải (Analyse and Interpret) tăng 1,77 điểm từ 2,36 điểm lên 4,13 điểm; Điều chỉnh nhận thức (Revising Views) tăng 1,81 điểm từ 2,40 điểm lên 4,21 điểm. Nhóm KN nhận thức đứng thứ hai về sự phát triển KN trong thực nghiệm. Các KN này đều tăng từ mức tiệm cận (mức độ SV có thể tự sửa lỗi của mình) lên mức thành thạo (mức độ SV có thể tự tin thực hiện KN này mà không cần nghĩ về cách thực hiện trước đây).

Nhóm phát triển chậm nhất là nhóm KN tình cảm gồm: Tự tạo động lực (Self-motivation) tăng 1,56 điểm từ 2,52 điểm lên 4,08 điểm; Thất bại tích cực (Failing Well) tăng 1,65 điểm từ 2,51 điểm lên 4,17 điểm. Đây là nhóm KN rất quan trọng, thúc đẩy toàn bộ quá trình học tập của SV. Tuy nhiên, để tăng nhóm KN này tương đối khó khăn và là thách thức vì các KN tình cảm là những KN có liên quan đến tình cảm và thái độ cần phải phát triển hệ thống giá trị, sau đó tiếp thu và hành động theo các giá trị này.

b. So sánh NLTH giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng

Sự chênh lệch trong đối lớn giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng ở cả ba nhóm là KN nhận thức, siêu nhận thức và tình cảm. Điểm trung bình chung đánh giá đầu ra nhóm thực nghiệm đạt 3,57 điểm, nhóm đối chứng đạt 2,62 điểm, nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng 0,95 điểm (gần một mức độ trong thang đánh giá). Nghĩa là, sau thực nghiệm NLTH của SV nhóm thực nghiệm đã đạt mức đạt yêu cầu tiệm cận tới mức thành thạo. Ở mức độ này, SV có thể sử dụng KN trong những tình huống không quen thuộc. NLTH ở nhóm đối chứng đạt mức tiệm cận, SV có thể sử dụng KN này trong những tình huống quen thuộc.

Sự khác biệt nhiều nhất giữa NLTH của SV nhóm thực nghiệm và đối chứng thể hiện ở nhóm KN siêu nhận thức, với độ chênh lệch đạt 1,08 điểm. Nhóm thực nghiệm đã

đạt gần đạt mức thành thạo với điểm 3,6 điểm. Trong khi đó, nhóm đối chứng mới đạt mức tiệm cận với 2,51 điểm.

Việc vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề để xác định những gì SV đã biết và khuyến khích họ tiếp cận kiến thức trước đây của họ. Ngoài ra, GV hỗ trợ bằng cách phản hồi linh hoạt với các phản hồi của SV đã trở thành động lực cao cho SV dẫn đến tăng mức độ tham gia của SV và dần dần đưa họ đến sự độc lập hơn trong học tập. Các KN siêu nhận thức phát triển rất mạnh mẽ với KN suy ngẫm về những điều đã học (đạt 4,63 điểm), suy ngẫm về mức độ thành thực KN (đạt 4,08 điểm).

PPDH dự án đã thúc đẩy SV đồng hóa các bước thực hiện trong lập kế hoạch, kiểm soát thực thi, phân phối tài nguyên nhận thức và phản ánh những gì đã được thực hiện. SV cũng có thể phát triển NLTH hơn khi quan sát các SV có kinh nghiệm hơn. Hơn nữa, việc GV trao cơ hội tự giám sát đã thúc đẩy việc học độc lập vì quá trình này là một yếu tố chính của sự tự điều chỉnh. GV chỉ cung cấp cho SV thông tin đánh giá liên tục thông qua phản hồi trên mạng Internet và phản hồi trực tiếp. Các KN: KN Lập kế hoạch tự học (đạt 3,13 điểm); KN Sắp xếp nguồn lực học tập (3,06 điểm); KN điều chỉnh nhận thức (đạt 4,21 điểm); KN Xử lý vấn đề (đạt 4,04 điểm).

Như vậy, so sánh kết quả đánh giá NLTH đầu ra của nhóm thực nghiệm và đối chứng đã cho thấy các tác động của việc vận dụng PPDHTC có kết quả tương đối rõ ràng. PPDHTC nếu áp dụng theo quy trình do đề tài đề xuất đã thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các NLTH của SV nhóm thực nghiệm.

c. Kiểm định Pair-sample T-Test

Mục đích là xem xét xem trước và sau khi vận dụng PPDHTC vào phát triển NLTH cho SV có đem lại sự phát triển NLTH theo hướng tốt hơn hay không. Đồng thời, chúng tôi mong muốn so sánh hai giá trị trung bình của hai nhóm tổng thể với đặc điểm là mỗi phần tử trong tổng thể này có quan hệ tương đồng theo cặp với một phần tử trong tổng thể kia. Để làm được điều này, đề tài sử dụng Pair sample T test.

Xuất phát với giả thuyết H_0 là không có sự khác biệt về giá trị trung bình tổng thể giữa lần đánh giá đầu vào và đầu ra. Chúng tôi tiến hành kiểm định Pair-sample T-Test với mức ý nghĩa 5% bằng 0,05 (độ tin cậy 95%). Kết quả cho thấy, có 20/23 cặp so sánh KN bác bỏ giả thuyết H_0 . Nghĩa là, 20/23 cặp so sánh khẳng định có sự khác biệt trung bình giữa NLTH của SV trong hai lần đánh giá. Hay nói cách khác, các tác động của đề tài khi vận dụng PPDHTC nhằm phát triển NLTH cho SV có hiệu quả. Các cặp KN có sự khác biệt (Sig < 0.05) giữa hai lần đánh giá gồm: Phân tích và luận giải (Sig 0.000); Đánh giá và nhận định (Sig 0.000); Xây dựng luận điểm (Sig

0.000); Xử lý vấn đề (Sig 0.000); Dự đoán (Sig 0.000); Đọc phân biện (Sig 0.000); Kỹ thuật ghi nhớ (Sig 0.000); Suy ngẫm về những điều đã học (Sig 0.000); Suy ngẫm về mức độ thành thực kiến thức, KN (Sig 0.000); Lập kế hoạch tự học (Sig 0.000); Sắp xếp nguồn lực học tập (Sig 0.01); Quản lý tài liệu học tập (Sig 0.02); Điều chỉnh nhận thức (Sig 0.000); Ý thức và sự tập trung (Sig 0.02); Tự tạo động lực (Sig 0.000); Giải tỏa áp lực và căng thẳng (Sig 0.01); Thất bại tích cực (Sig 0.000); Óc tò mò (Curiosity); Sự bền bỉ (Sig 0.000); Ghi chép để học tập (Sig 0.017).

Trong 20 cặp KN bác bỏ giả thuyết H_0 khẳng định các tác động của đề tài khi vận dụng PPDHTC nhằm phát triển NLTH cho SV có hiệu quả đã bao gồm nhóm 8 KN đề tài tập trung phát triển như đã trình bày ở các mục trên. Tuy nhiên, phân tích kiểm định Pair-sample T-Test chỉ ra có hai cặp so sánh chấp nhận giả thuyết H_0 , nghĩa là khẳng định không có sự khác biệt giữa lần đánh giá trước và sau khi thực nghiệm. Nghĩa là các tác động của thực nghiệm khi vận dụng PPDHTC không thay đổi được các KN này. Các cặp KN bác bỏ giả thuyết H_0 gồm: Tra cứu, tìm kiếm và thẩm định thông tin (Sig 0.200); Đặt mục tiêu (Sig 0.069).

3. Kết luận

Qua thực nghiệm sư phạm khẳng định tính khả thi về bộ công cụ đánh giá NLTH của SV. Bộ công cụ gồm: 3 tiêu chuẩn là KN nhận thức, KN siêu nhận thức và KN tình cảm, chia thành và 23 tiêu chí nhỏ đã đánh giá NLTH của SV một cách toàn diện, chính xác. Qua thực nghiệm cũng chỉ rõ 23 tiêu chí trong bộ đánh giá có tính đồng nhất và đều cho độ tin cậy trên 90% trong toàn phép đo.

Việc áp dụng quy trình vận dụng PPDHTC đi từ phân tích rõ NLTH của SV, từ đó lên kế hoạch và chuẩn bị học liệu rèn luyện các KN tự học. Cùng với việc GV thúc đẩy phát triển khả năng lập luận khoa học, tư duy sáng tạo và tự đánh giá giúp SV phát triển NLTH một cách bền vững đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.

Phân tích sâu vào sự phát triển của NLTH cho thấy, cần phát triển mạnh mẽ KN suy ngẫm về những điều đã học (Reflection on Subject Matter), từ đó sẽ thúc đẩy nhóm KN siêu nhận thức phát triển sẽ giúp SV hình thành kiến thức mới trên cơ sở biết rõ những điều mình hiểu, quan trọng hơn là SV biết những điều mình chưa hiểu. Chính điều này giúp SV suy ngẫm về các điều đã học, đã làm và cải thiện các KN khác đạt hiệu quả cao hơn. Muốn phát triển NLTH của SV, ngoài việc vận dụng PPDHTC theo quy trình và đánh giá theo bộ tiêu chuẩn NLTH GV cần cung cấp các hoạt động và tạo môi trường thúc đẩy phát triển khả năng lập luận khoa học, tư duy sáng tạo và khả năng tự đánh giá của SV.

Tài liệu tham khảo

- [1] Birenbaum, M, (2002), *Assessing self-directed active learning in primary schools*, Assessment in Education, Vol 9(1), pp.38.
- [2] Van Grinsven, L., & Tillema, H, (2006), *Learning opportunities to support student self-regulation: Comparing different instructional formats*, Educational Research, 48(1), pp.77- 91.
- [3] Phan Thị Hồng Vinh - Nguyễn Đức Giang, (2012), *Hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá năng lực tự học theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện và quy trình tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên sư phạm trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ*, Tạp chí Giáo dục, số 287, kì 1, tr. 31-33.
- [4] National Youth Leadership Council, *The IPARD Framework*, Truy cập lúc 20h, 11 tháng 11 năm 2019, From: http://www.icicp.org/wp-content/uploads/2013/10/DOI-Service-LearningToolkit_updated_Spring2014_FINAL.pdf, pp. 7.
- [5] Schwartz, D. L. & Bransford, J. D, (1998), *A time for telling*, *Cognition and Instruction*, Vol. 16(4), pp.475-522.
- [6] Nguyễn Chính, (04/4/2016), *Đạy học theo mô hình Flipped Classroom*, Báo Tia sáng - Bộ Khoa học và Công nghệ, tr.36.
- [7] Lance, G.King, (2017), *Learning skills for success*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.25, 291, 544.
- [8] Crovitz, H.F, *The capacity of memory Loci in artificial memory*, *Psychon Sci* 24 (1971), pp.187-188, From: <https://doi.org/10.3758/BF03335561>.
- [9] DfES, (2006), *2020 vision: report of the teaching and learning in 2020 Review Group*, Nottingham: Department for Education and Skills, pp.30

A PEDAGOGICAL EXPERIMENT IN DEVELOPING SELF-LEARNING COMPETENCE FOR STUDENTS THROUGH ACTIVE TEACHING METHODS

Nguyen Duc Giang

University of Languages and International Studies
 VNU, Hanoi
 02 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
 Email: giangnguyenduc2103@gmail.com

ABSTRACT: *Promoting the development of independent learning competence requires teachers to change to learner-centered teaching to ensure students participate actively in their learning process. Effective teaching methods contribute to the development of self-study ability for students, improving internal resources inherent in each individual, stimulating students' creativity in solving practical problems. Along with the effective teaching methods, lecturers should promote the enhancement of students' internal intellectual attributes which include scientific reasoning, creative thinking and self-reflection. There is ample evidence to show that if teachers apply the effective teaching methods as well as cognitive exercises, self-reflection training, it will help students become more independent in applying theory to practice. Besides, students are also more independent in cognition, and more coherent in analyzing their learning situations.*

KEYWORDS: *Self-learning competence; developing self-learning competence; pedagogical students, active teaching methods.*